

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 223/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn
lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Quyết định số 57/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi quy hoạch

Diện tích lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy thuộc toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và một phần ranh giới hành chính của tỉnh Hòa Bình, tỉnh Nam Định và thành phố Hà Nội với tổng diện tích khoảng 7.665 km².

2. Quan điểm quy hoạch

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch xây dựng các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến

năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 57/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008; Chiến lược quốc gia quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch quản lý chất thải rắn các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy được lập trên cơ sở từng bước đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh và quá tải bảo đảm giải quyết ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững. Xây dựng đồng bộ các cơ sở xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh, liên đô thị và hệ thống thu gom, vận chuyển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng công nghệ tiên tiến phù hợp. Hạn chế tối đa chất thải rắn phải chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và bảo vệ môi trường. Chất thải rắn nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định bảo đảm không phát tán ra môi trường.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và quản lý các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

3. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 57/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008.

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh, xác định phương thức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn; xác định các cơ sở xử lý chất thải rắn và phạm vi phục vụ đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn cho lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

- Nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

- Làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

4. Nội dung quy hoạch

a) Các chỉ tiêu quy hoạch

- Các chỉ tiêu tính toán quy hoạch căn cứ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Tiêu chuẩn tính toán, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn theo các giai đoạn đến năm 2030 của các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Năm 2020: Tỷ lệ thu gom khu vực đô thị 95%, nông thôn 70%;

+ Năm 2030: Tỷ lệ thu gom khu vực đô thị 100%, nông thôn 90%.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Năm 2020 tỷ lệ thu gom 80%;

+ Năm 2030 tỷ lệ thu gom 90%.

- Chất thải rắn công nghiệp, làng nghề thông thường:

+ Năm 2020, tỷ lệ thu gom khoảng 80% - 90%;

+ Năm 2030, tỷ lệ thu gom 100%.

- Chất thải rắn nguy hại (công nghiệp, làng nghề):

+ Năm 2020, tỷ lệ thu gom khoảng 70% - 80%;

+ Năm 2030, tỷ lệ thu gom 100%.

b) Dự báo khối lượng chất thải rắn phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt: Đến năm 2020 là khoảng 9.100 tấn/ngày; đến năm 2030 là khoảng 11.200 tấn/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Đến năm 2020 là khoảng 2.100 tấn/ngày; đến năm 2030 là khoảng 4.000 tấn/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp, làng nghề thông thường: Đến năm 2020 là khoảng 2.200 tấn/ngày; đến năm 2030 là khoảng 3.700 tấn/ngày.

- Chất thải rắn nguy hại (công nghiệp, làng nghề): Đến năm 2020 là khoảng 750 tấn/ngày; đến năm 2030 là khoảng 1.250 tấn/ngày.

c) Phân loại chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 3 loại: Chất thải rắn hữu cơ (rau, quả, thức ăn thừa,...); chất thải rắn vô cơ có thể tái chế (giấy, nhựa, kim loại,...); các loại chất thải rắn sinh hoạt còn lại.

- Chất thải rắn công nghiệp, làng nghề được phân thành 2 loại: Chất thải rắn công nghiệp, làng nghề nguy hại và chất thải rắn công nghiệp, làng nghề thông thường.

d) Phân vùng, thu gom, vận chuyển chất thải rắn

Phương thức thu gom, vận chuyển chất thải rắn được lựa chọn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, giao thông, địa hình đặc thù của khu vực và năng lực thu gom, vận chuyển của các địa phương trong lưu vực, đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường.

- Phân vùng, thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường:

+ Phân vùng: Chất thải rắn toàn lưu vực được phân vùng thu gom, vận chuyển theo phạm vi phục vụ của các trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn theo từng địa bàn. Trong đó Hà Nội được phân thành 03 vùng thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, các tỉnh còn lại mỗi tỉnh được phân thành 01 đến 03 vùng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn có bán kính phục vụ phù hợp.

+ Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

. Khu vực đô thị (thành phố, thị xã, thị trấn,...): Thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày từ nơi phát sinh tới các điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc được vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch.

. Khu vực dân cư nông thôn: Thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày hoặc cách ngày đến điểm tập kết thôn, xã và được vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện hoặc thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

+ Chất thải rắn công nghiệp, làng nghề: Thực hiện thu gom, vận chuyển từ trạm tập trung của các khu, cụm công nghiệp; điểm tập kết của các làng nghề hoặc trực tiếp từ cơ sở sản xuất đến các cơ sở xử lý chất thải rắn vùng tỉnh theo quy hoạch.

+ Chất thải rắn xây dựng: Chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đến cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch, đảm bảo các yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường.

- Phân vùng, thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại từ các nguồn thải được phân loại, bảo quản, lưu giữ, thu gom, vận chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải rắn vùng tỉnh theo quy hoạch và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh môi trường; thực hiện theo quy định về quản lý chất thải rắn nguy hại.

+ Chủ nguồn thải phát sinh chất thải rắn nguy hại có trách nhiệm ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại theo quy định hiện hành.

đ) Quy hoạch các cơ sở xử lý chất thải rắn

- Bố trí các cơ sở xử lý chất thải rắn ở ngoài phạm vi đô thị, cuối hướng gió chính, cuối dòng chảy của sông suối và được trồng cây xanh cách ly, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành nhằm bảo vệ nguồn nước trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy và ứng phó với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng thông qua các giải pháp về mặt công nghệ, lộ trình đóng cửa, xây dựng mới các cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Các địa phương cần rà soát, xây dựng và thực hiện các giải pháp hạn chế ảnh hưởng tới môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn hiện hữu đang gây ô nhiễm lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy như: Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước rỉ rác, chuyển đổi công nghệ, hạn chế chôn lấp, đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh, thực hiện quan trắc và giải pháp xử lý giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn; nâng cấp, cải tạo, xử lý và kiểm soát ô nhiễm đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn khác nhằm bảo vệ nguồn nước trong toàn lưu vực.

- Đến năm 2030, đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp 18 cơ sở xử lý chất thải rắn vùng tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).

- Chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý tại các cơ sở xử lý chất thải rắn vùng tỉnh phù hợp với Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025 (tại Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

e) Công nghệ xử lý chất thải rắn

- Công nghệ xử lý chất thải rắn được lựa chọn phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, khả năng phân loại, tính chất, thành phần chất thải rắn của từng địa phương.

- Ưu tiên các công nghệ trong nước, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, các công nghệ tái chế có sản phẩm phù hợp với thị trường tiêu thụ của mỗi địa phương.

- Công nghệ xử lý áp dụng đối với chất thải rắn thông thường: Các cơ sở xử lý chất thải rắn nằm trong phạm vi ảnh hưởng đến các đoạn sông là nguồn cấp nước phải áp dụng công nghệ tái chế, công nghệ đốt thu hồi năng lượng, công nghệ chế biến phân vi sinh, công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh,... không chôn lấp chất thải rắn hữu cơ và chất thải rắn nguy hại.

- Công nghệ áp dụng đối với chất thải rắn nguy hại: Công nghệ xử lý lý hóa, công nghệ đốt, hạn chế chôn lấp,...

5. Khái toán kinh phí đầu tư

a) Nhu cầu vốn đầu tư:

Ước tính vốn đầu tư triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 khoảng: 7.600 tỷ đồng.

Trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2020 khoảng: 4.500 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2020 - 2030 khoảng: 3.100 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước.

- Vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài.

- Vốn tín dụng đầu tư.

- Vốn từ các nhà đầu tư trong, ngoài nước.

- Vốn hợp pháp từ các thành phần kinh tế khác.

6. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư

Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đề xuất 13 dự án ưu tiên đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn đến năm 2020 (được xác định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

7. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Tác động tích cực đến môi trường:

- Thu gom và xử lý chất thải rắn (thông thường và nguy hại) đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường, giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn gây ra.

- Hạn chế, xóa bỏ các điểm tập kết chất thải rắn và các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh, nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải tạo môi trường hạn chế ô nhiễm tới lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy và bảo vệ sức khỏe cho người dân.

- Xác định địa điểm, quy mô, công suất các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn các tỉnh, đảm bảo phục vụ nhu cầu xử lý chất thải rắn đô thị - nông thôn, khu công nghiệp, làng nghề trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

- Các công nghệ xử lý các loại chất thải rắn được đề xuất theo hướng hạn chế chôn lấp góp phần tiết kiệm đất và xử lý triệt để đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

- Góp phần bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của các địa phương trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

b) Dự báo tác động môi trường khi thực hiện quy hoạch:

- Hoạt động của các xe vận chuyển chất thải rắn có nguy cơ gây ô nhiễm.
- Quá trình xây dựng các cơ sở xử lý sẽ gây ra các tác động tới môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng (các tác động này chỉ diễn ra cục bộ và trong thời gian ngắn).
- Quá trình vận hành các cơ sở xử lý sẽ phát sinh tiếng ồn, gây bụi... tại khu vực đặt cơ sở xử lý chất thải rắn.
- Hoạt động của các điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý có thể gây ô nhiễm môi trường nếu quy trình vận hành không đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.
- Nguy cơ xảy ra sự cố môi trường (phân tán khí độc, chất độc hại ra môi trường,...) và tai nạn lao động trong quá trình vận chuyển chất thải rắn nguy hại từ nguồn phát sinh đến trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại.

c) Các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường:

- Các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn đối với các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển.
- Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn trên công trường xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và các biện pháp an toàn, phòng chống tai nạn, sự cố trong quá trình xây dựng.
- Các dự án khi triển khai phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.
- Các biện pháp thu gom và xử lý khí thải, khói bụi và nước thải từ các cơ sở xử lý chất thải rắn và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm phải tuân thủ theo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm và đất.
- Cảnh báo các sự cố môi trường và đề xuất các giải pháp phòng chống giảm thiểu các ảnh hưởng xấu tới môi trường.
- Các biện pháp hỗ trợ khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng

- Tổ chức công bố Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với các hình thức phù hợp và bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các địa phương theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn và kiểm tra các địa phương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành quản lý chất thải rắn của các địa phương phù hợp với Quy hoạch này.

2. Các Bộ, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

3. Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy

Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy chỉ đạo, điều phối liên ngành, liên vùng thực hiện thống nhất, có hiệu quả Quy hoạch này sau khi được phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành quản lý chất thải rắn trên địa bàn các tỉnh phù hợp với Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Trước năm 2020, tổ chức rà soát, xây dựng và thực hiện các giải pháp hạn chế ảnh hưởng tới môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn hiện hữu và đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh theo quy định, có giải pháp xử lý giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường sau khi đóng bãi; cải tạo, xử lý và kiểm soát ô nhiễm đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn khác nhằm bảo vệ nguồn nước trong toàn lưu vực.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn đáp ứng theo từng giai đoạn; xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn triển khai quy hoạch này.

- Rà soát và lập kế hoạch quản lý sử dụng đất cho các công trình thu gom và xử lý chất thải rắn.

- Chỉ đạo lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn theo quy hoạch đã được duyệt.

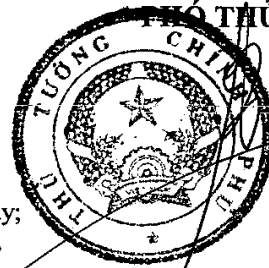
- Xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về vệ sinh môi trường, phân loại chất thải rắn tại nguồn đối với các đô thị và nhân rộng với khu vực nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

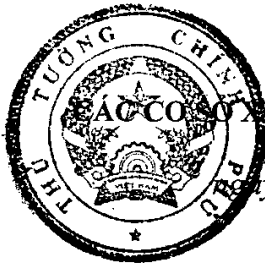
Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thành ủy, Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình;
- Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).^{xh} 4+



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải



Phụ lục I

XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN LƯU VỰC SÔNG NHƯỆ - SÔNG ĐÁY

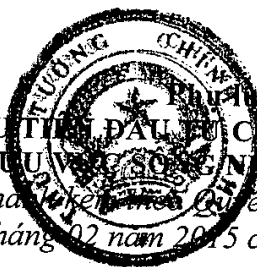
Ban hành kèm theo Quyết định số 223/QĐ-TTg

ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở xử lý chất thải rắn (CSXL)	Vị trí	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)		Tổng diện tích quy hoạch (ha)	Đối tượng, phạm vi phục vụ
				Đến năm 2020	Đến năm 2030		
Thành phố Hà Nội							
1	CSXL Xuân Sơn	Thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội	13	13	31	57	Xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, phân bùn bể tự hoại cho Thị xã Sơn Tây, các huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ và một phần quận Hà Đông.
2	CSXL Châu Can	Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội	-	7,5	5,5	13	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể tự hoại, CTR y tế thông thường cho các huyện Thường Tín, Phú Xuyên, một phần huyện Thanh Trì.
3	CSXL Đồng Ké	Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội	-	5	6	11	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể tự hoại, CTR y tế thông thường cho các huyện Chương Mỹ, Quốc Oai, Hoài Đức và một phần quận Hà Đông.
4	CSXL Lại Thượng	Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	-	4	2	6	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể tự hoại cho khu vực huyện Thạch Thất và các đô thị lân cận.
5	CSXL Cầu Diễn	Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	3,9	-	-	3,9	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể tự hoại, y tế nguy hại cho các quận hữu ngạn sông Hồng và khu vực lân cận.
6	CSXL Cao Dương	Huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	-	6	3	9	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể tự hoại cho các huyện phía Tây Nam đô thị trung tâm Thanh Oai, Ứng Hòa, một phần của huyện Thanh Trì và Thường Tín.

Tỉnh Ninh Bình							
7	CSXL Thung Quần Khố	Xã Đông Sơn, TX. Tam Điệp	6,5	5,5	18	30	- Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTR xây dựng cho TX. Tam Điệp, Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn, Phát Diệm, thành phố Ninh Bình. - Xử lý CTR y tế nguy hại cho toàn tỉnh Ninh Bình.
8	CSXL Thung Châu	Huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	2	10	38	50	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTR xây dựng cho huyện Nho Quan và một phần thành phố Ninh Bình.
9	CSXL Đá Hàn	Huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	2	10	38	50	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTR xây dựng cho huyện Gia Viễn và một phần thành phố Ninh Bình.
Tỉnh Nam Định							
10	CSXL Quang Trung	Huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1,5	3,5	26	31	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTR xây dựng cho huyện Vụ Bản, Ý Yên và một phần thành phố Nam Định.
11	CSXL Xuân Ninh	Huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	1	5	11	17	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp cho huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Trực Ninh.
12	CSXL Thịnh Long	Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	3,64	4,36	-	8	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp cho huyện Hải Hậu, Nghĩa Hưng.
13	CSXL Nam Toàn	Huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	0,05	20	-	20,05	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp cho huyện Nam Trực và phía Nam thành phố Nam Định mở rộng.
14	CSXL Mỹ Hà	Xã Mỹ Hà, TP. Nam Định	-	12	-	12	Xử lý CTR sinh hoạt và CTR xây dựng cho thành phố Nam Định.
Tỉnh Hòa Bình							
15	CSXL Lương Sơn	Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	5	15	20	40	Xử lý CTR sinh hoạt, công nghiệp cho huyện Lương Sơn, Kỳ Sơn và một số huyện lân cận.

16	CSXL Núi Thờ	Huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	5	10	15	30	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp cho huyện Yên Thủy, Lạc Thủy và một số huyện lân cận.
Tỉnh Hà Nam							
17	CSXL Thung Đám Gai	Huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	16	-	10	26	Xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp cho huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý và một số huyện lân cận.
18	CSXL Duy Minh	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	4	-	-	4	Xử lý CTR sinh hoạt, công nghiệp cho huyện Duy Tiên và một số huyện lân cận.



CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CƠ SỞ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
LƯU VỐN SÔNG NHƯỆ - SÔNG ĐÁY
(Ban hành kèm theo Quyết định số 223/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên các dự án ưu tiên đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha) đến năm 2020
	Thành phố Hà Nội	
1	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Phú Xuyên	7,5
2	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Thạch Thất	4
3	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Thanh Oai	6
4	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Chương Mỹ	5
	Tỉnh Ninh Bình	
5	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Nho Quan	10
6	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Gia Viễn	10
	Tỉnh Nam Định	
7	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Vụ Bản	3,5
8	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Xuân Trường	5
9	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Hải Hậu	4,36
10	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Nam Trực	20
	Tỉnh Hòa Bình	
11	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Lương Sơn	15
12	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Yên Thủy	10
	Tỉnh Hà Nam	
13	Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Thanh Liêm	10